

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN
NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025**

1. Kết quả hoạt động năm 2024 của Công ty

1.1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024

Một số chỉ tiêu chính về hoạt động kinh doanh năm 2024 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Kế hoạch (KH) ^(*) | Thực hiện (TH) | % TH/KH |
|----------------------|------------------------------|----------------|---------|
| Doanh thu | 204.333 | 202.067 | 98,89% |
| Lợi nhuận trước thuế | 6.130 | 6.860 | 111,91% |

(Chi tiết tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán).

(*) Kế hoạch năm 2024 được ĐHCĐ thông qua bằng văn bản theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHCĐ-CMH ban hành ngày 27/04/2024.

1.2. Tình hình tài chính

1.2.1. Tóm tắt tình hình tài chính công ty mẹ

Đơn vị: VND

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | % Tăng trưởng | % (+/-) |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|---------------|------------|
| 1. Tình hình tài sản | | | | |
| + Tổng tài sản ngắn hạn | 335.421.656.307 | 454.830.383.965 | 136% | 36% |
| - Tiền và các khoản tương đương tiền | 56.723.924.579 | 8.412.267.299 | 15% | -85% |
| - Đầu tư tài chính ngắn hạn | 18.432.781.099 | 13.285.547.784 | 72% | -28% |
| - Các khoản phải thu ngắn hạn | 180.440.243.569 | 314.698.693.573 | 174% | 74% |
| - Hàng tồn kho | 67.120.006.688 | 103.957.158.087 | 155% | 55% |
| - Tài sản ngắn hạn khác | 12.704.700.372 | 14.476.717.222 | 114% | 14% |
| + Tổng tài sản dài hạn | 99.213.846.864 | 113.553.117.063 | 114% | 14% |
| - Các khoản phải thu dài hạn | 9.198.971.542 | 23.397.760.979 | 254% | 154% |
| - Tài sản cố định | 26.250.564.659 | 20.677.746.240 | 79% | -21% |
| - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 58.795.483.433 | 58.795.483.433 | 100% | 0% |
| - Tài sản dài hạn khác | 4.968.827.230 | 10.682.126.411 | 215% | 115% |
| + Tổng tài sản | 434.635.503.171 | 568.383.501.028 | 131% | 31% |
| 2. Tình hình nợ phải trả | | | | |
| - Nợ phải trả ngắn hạn | 158.380.906.934 | 162.140.825.567 | 102% | 2% |

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | % Tăng trưởng | % (+/-) |
|--|-----------------|-----------------|---------------|---------|
| - Nợ phải trả dài hạn | 18.618.082.825 | 143.053.593.804 | 768% | 668% |
| + Tổng nợ phải trả | 176.998.989.759 | 305.194.419.371 | 172% | 72% |
| 3. Giá trị tài sản ròng | 257.636.513.412 | 263.189.081.657 | 102,16% | 2,16% |
| 4. Vốn góp chủ sở hữu | 254.525.000.000 | 254.525.000.000 | 100,00% | 0,00% |
| 5. Các khoản tăng/giảm vốn chủ sở hữu khác | -441.950.000 | -441.950.000 | 100,00% | 0,00% |
| 6. Lợi nhuận của Chủ sở hữu | 3.553.463.412 | 9.106.031.657 | 256,26% | 156,26% |
| 7. Kết quả kinh doanh | | | | |
| + Tổng doanh thu | 102.118.247.342 | 202.966.114.878 | 198,76% | 98,76% |
| - Doanh thu bán hàng | 97.312.008.435 | 201.911.179.536 | 207,49% | 107,49% |
| - Doanh thu hoạt động tài chính | 4.806.238.907 | 1.054.935.342 | 21,95% | -78,05% |
| + Tổng chi phí | 101.790.611.992 | 201.863.641.966 | 198,31% | 98,31% |
| - Giá vốn hàng bán | 87.906.379.031 | 187.787.384.619 | 213,62% | 113,62% |
| - Chi phí tài chính | 2.560.555.298 | 2.469.960.527 | 96,46% | -3,54% |
| - Chi phí bán hàng | 0 | 0 | 0% | 0% |
| - Chi phí quản lý điều hành | 11.323.677.663 | 11.606.296.820 | 102,50% | 2,50% |
| + Lãi lỗ trong Công ty liên kết | 0 | 0 | 0% | 0% |
| + Lợi nhuận thuần từ HĐKD | 327.635.350 | 1.102.472.912 | 336,49% | 236,49% |
| + Lợi nhuận bất thường khác | 4.070.155.366 | 6.355.953.109 | 156,16% | 56,16% |
| - Doanh thu bất thường | 5.023.549.454 | 7.412.248.943 | 147,55% | 47,55% |
| - Chi phí bất thường | 953.394.088 | 1.056.295.834 | 110,79% | 10,79% |
| + Tổng lợi nhuận trước thuế | 4.397.790.716 | 7.458.426.021 | 169,59% | 69,59% |
| + Thuế TNDN | 1.482.539.287 | 1.905.857.776 | 128,55% | 28,55% |
| + Lợi nhuận sau thuế | 2.915.251.429 | 5.552.568.245 | 190,47% | 90,47% |

(Chi tiết xem tại Báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán)

1.2.2. Tóm tắt tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | % Tăng trưởng | % (+/-) |
|--------------------------------------|-----------------|-----------------|---------------|---------|
| 1. Tình hình tài sản | | | | |
| + Tổng tài sản ngắn hạn | 385.461.098.589 | 504.403.213.466 | 130,86% | 30,86% |
| - Tiền và các khoản tương đương tiền | 57.152.714.623 | 8.437.777.299 | 14,76% | -85,24% |
| - Đầu tư tài chính ngắn hạn | 18.432.781.099 | 13.285.547.784 | 72,08% | -27,92% |
| - Các khoản phải thu ngắn hạn | 213.905.443.221 | 348.507.722.903 | 162,93% | 62,93% |
| - Hàng tồn kho | 82.994.298.319 | 119.692.855.872 | 144,22% | 44,22% |
| - Tài sản ngắn hạn khác | 88.561.357.049 | 36.202.634.691 | 40,88% | -59,12% |
| + Tổng tài sản dài hạn | 41.976.123.179 | 55.692.289.479 | 132,68% | 32,68% |
| - Các khoản phải thu dài hạn | 9.198.971.542 | 23.397.760.979 | 254,35% | 154,35% |
| - Tài sản cố định | 26.250.564.659 | 20.677.746.240 | 78,77% | -21,23% |
| - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 0 | 0 | 0% | 0% |

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | % Tăng trưởng | % (+/-) |
|--|-----------------|-----------------|---------------|---------|
| - Tài sản dài hạn khác | 6.526.586.978 | 11.616.782.260 | 177,99% | 77,99% |
| + Tổng tài sản | 427.437.221.768 | 560.095.502.945 | 131,04% | 31,04% |
| 2. Tình hình nợ phải trả | | | | |
| - Nợ phải trả ngắn hạn | 131.775.049.256 | 135.043.898.578 | 102,48% | 2,48% |
| - Nợ phải trả dài hạn | 20.213.057.849 | 144.648.568.828 | 715,62% | 615,62% |
| + Tổng nợ phải trả | 151.988.107.105 | 279.692.467.406 | 184,02% | 84,02% |
| 3. Giá trị tài sản ròng | 275.449.114.663 | 280.403.035.539 | 101,80% | 1,80% |
| 4. Vốn góp chủ sở hữu | 254.525.000.000 | 254.525.000.000 | 100,00% | 0,00% |
| 5. Vốn khác chủ sở hữu | -3.668.232 | -3.668.232 | 100,00% | 0,00% |
| 6. Lợi nhuận chưa phân phối của CSH | 982.587.804 | 5.928.789.710 | 603,39% | 503,39% |
| 7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 19.945.195.091 | 19.952.914.061 | 100,04% | 0,04% |
| 8. Kết quả kinh doanh | | | | |
| + Tổng doanh thu | 102.882.541.711 | 203.121.717.544 | 197,43% | 97,43% |
| - Doanh thu bán hàng | 98.101.923.040 | 202.066.527.362 | 205,98% | 105,98% |
| - Doanh thu hoạt động tài chính | 4.780.618.671 | 1.055.190.182 | 22,07% | -77,93% |
| + Tổng chi phí | 104.132.843.496 | 202.621.562.973 | 194,58% | 94,58% |
| - Giá vốn hàng bán | 88.097.334.454 | 186.753.084.619 | 211,98% | 111,98% |
| - Chi phí tài chính | 2.560.555.298 | 2.469.960.527 | 96,46% | -3,54% |
| - Chi phí bán hàng | 0 | 0 | 0% | 0% |
| - Chi phí quản lý điều hành | 13.474.953.744 | 13.398.517.827 | 99,43% | -0,57% |
| + Lãi lỗ trong Công ty liên kết | 0 | 0 | 0% | 0% |
| + Lợi nhuận thuần từ HĐKD | -1.250.301.785 | 500.154.571 | -40,00% | 140,00% |
| + Lợi nhuận bất thường khác | 4.069.983.129 | 6.359.624.081 | 156,26% | 56,26% |
| - Doanh thu bất thường | 5.023.549.454 | 7.416.014.499 | 147,62% | 47,62% |
| - Chi phí bất thường | 953.566.325 | 1.056.390.418 | 110,78% | 10,78% |
| + Tổng lợi nhuận trước thuế | 2.819.681.344 | 6.859.778.652 | 243,28% | 143,28% |
| + Thuế TNDN | 1.482.539.287 | 1.905.857.776 | 128,55% | 28,55% |
| + Lợi nhuận sau thuế | 1.337.142.057 | 4.953.920.876 | 370,49% | 270,49% |

(Chi tiết xem tại Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán)

2. Đánh giá về tình hình hoạt động trong năm 2024 của Công ty

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 được lập dựa trên các chuẩn mực kế toán Việt Nam và tính hợp lý của các chứng từ kế toán. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán phản ánh đúng, trung thực và hợp lý tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2024.

Công ty đã tuân thủ việc báo cáo kế toán theo đúng luật và các chuẩn mực kế toán được ban hành của Nhà nước. Báo cáo tài chính được lập trên hệ thống phần mềm kế toán, sổ sách Công ty được tổ chức khoa học, ghi chép rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra. Ủy ban Kiểm toán thống nhất xác nhận các chỉ tiêu thực hiện trên báo cáo kế toán.

Công ty đã chủ động trong việc tìm kiếm các nguồn tài chính, bảo đảm đủ nguồn vốn cho hoạt động của Công ty. Công ty đã lập kế hoạch tài chính năm và điều chỉnh theo từng giai đoạn để phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty đã chủ động cân đối nguồn vốn một cách hợp lý để thực hiện các khoản đầu tư phù hợp với tình hình hoạt động và năng lực tài chính của Công ty.

Hội đồng Quản trị (HDQT) và Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) của Công ty đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ, các Nghị quyết ĐHĐCĐ... Các quyết định của HDQT và Ban TGD được ban hành đúng quy định.

HDQT và Ban TGD cũng luôn duy trì kênh liên lạc và giải quyết kịp thời các thắc mắc của các cổ đông về tình hình hoạt động của Công ty.

3. Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán năm 2024

- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ đã được thông qua và tính tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ Công ty,...
- Tham gia các cuộc họp của HDQT.
- Kiểm tra, giám sát và kịp thời có ý kiến để các bộ phận chuyên môn có những điều chỉnh cần thiết đối với các thiếu sót trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

4. Kế hoạch hoạt động năm 2025

Năm 2025, Ủy ban Kiểm toán tiếp tục thực hiện nhiệm vụ việc thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Định kỳ, Ủy ban Kiểm toán sẽ tiến hành kiểm tra, phân tích, đánh giá các hoạt động của Công ty; tham gia các cuộc họp để nắm bắt, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty một cách chính xác, kịp thời và đưa ra cảnh báo về rủi ro tiềm ẩn (nếu có).

5. Kiến nghị

- Tập trung tìm kiếm các hợp đồng mới phù hợp với định hướng và năng lực của Công ty; đảm bảo dòng tiền lưu động nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các tác động tiêu cực của tình hình kinh tế - xã hội trong và ngoài nước; phân tích thêm các nguyên nhân có thể làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty để có phương án dự phòng và xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch chính xác hơn.
- Việc cân đối dòng tiền cần được xem xét và phân tích kỹ lưỡng.
- Công ty có kế hoạch bổ sung phù hợp và nâng cao năng lực của đội ngũ nhân sự nhằm đáp ứng yêu cầu của kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Tập trung vào công tác nghiệm thu thanh toán, tối đa hoá việc thu hồi vốn. Cân đối việc sử dụng các nguồn tài chính một cách hợp lý nhằm tối ưu chi phí sử dụng vốn.
- Thực hiện tái cơ cấu các khoản đầu tư cũ, triển khai các khoản đầu tư mới trên cơ sở hiệu quả và hạn chế rủi ro.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- HNX, SSC;
- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN KIỂM TOÁN
TRƯỞNG BAN**

[Đã ký]

Nguyễn Thị Bích Lộc

